

## ĐẶC ĐIỂM TRANG TRÍ TRÊN BIA THỜI LÊ SƠ

PGS.TS. ĐINH KHẮC THUẬN\*

### TÓM TẮT

*Bia thời Lê sơ là khái niệm chỉ các bia được san khắc trong thời kỳ trị vì của triều đình nhà Lê sơ (1428 - 1527). Đến nay, bia và văn bia thuộc giai đoạn này, đã được nhiều người quan tâm, nghiên cứu. Nhận thấy, hoa văn trang trí trên bia có giá trị nhiều mặt trong việc nghiên cứu lịch sử mỹ thuật, cũng như tư tưởng và văn hóa xã hội đương thời, bài viết tập trung giới thiệu đặc điểm trang trí trên bia thời Lê sơ.*

**Từ khóa:** thời Lê sơ; trang trí; bia.

### ABSTRACT

*Early Lê's stele is the concept for only stele carved during the reign of the early Le dynasty (1428-1527). Until now, the stele and the epitaph of this period have attracted interests and researches of many people. It is realised that decorations on many aspects of valuable stele in the study of art history, as well as ideological and cultural aspects in that society. In this paper, we would like to focus on introducing decorative features on stele under the Le Dynasty.*

**Key words:** Early Lê Dynasty; Decoration; Stele.

### 1. Khái quát về bia và văn bia thời Lê sơ

Văn bia thời Lê sơ đã được sưu tập, dịch chú và giới thiệu trong *Văn bia thời Lê sơ ở Thanh Hóa* (Nxb. Thanh Hóa, 2013) - giới thiệu 48 văn bia và *Văn bia thời Lê sơ* (Nxb. Khoa học xã hội, 2014) - giới thiệu 67 văn bia. Trong số 67 văn bia được giới thiệu trong *Văn bia thời Lê sơ*, có 28 văn bia ở Thanh Hóa trùng với số văn bia được giới thiệu trong *Văn bia thời Lê sơ ở Thanh Hóa*. Như vậy, tổng số văn bia thời Lê sơ trong cả nước do hai tập sách trên sưu tập được là 87 văn bia, trong đó, Thanh Hoá có 48 văn bia. Chúng tôi bổ sung một văn bia thời Lê sơ ở chùa Đại Bi, quận Tây Hồ, Hà Nội, dựng năm Thái Hòa thứ 5 (1448), cùng hai minh văn khắc trên bệ tượng chùa Khám Lạng, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, khắc năm Thuận Thiên thứ 5 (1432) và năm Hồng Đức thứ 25 (1494). Do vậy, tổng số văn bia thời Lê sơ hiện biết là 90 văn bản.

Văn bia thời Lê sơ xuất hiện nhiều ở Thanh Hóa, đất phát tích nhà Lê, nơi có lăng mộ và các từ

đường hoàng tộc và công thần thời Lê sơ, sau đó là ở Thăng Long (Hà Nội), nơi có Văn miếu tập trung nhiều bia đề danh của các khoa thi tiến sĩ. Tiếp đến là ở các di tích, danh thắng thuộc các địa phương từ Ninh Bình trở ra Cao Bằng (phía Tây Bắc), Quảng Ninh (phía Đông Bắc). Số bia được dựng nhiều nhất, tập trung hơn cả là vào đời vua Lê Thánh Tông, bởi đây là thời kỳ hưng thịnh nhất của triều Lê sơ.

Văn bia thời Lê sơ hình thành các cụm chính là bia lăng mộ của hoàng tộc, cùng các công thần nhà Lê sơ; bia tiến sĩ đề danh ở Văn miếu, bia ma nhai, cùng bia tạo dựng ở các di tích của làng xã. Hầu hết bia đều có hoa văn trang trí và nội dung văn bản, tạo thành thể thống nhất, gắn liền với sự kiện, nhân vật được đề cập trong bia, đồng thời cũng tạo thành tác phẩm nghệ thuật phản ánh nhận thức và tư tưởng của các tầng lớp trong xã hội đương thời.

### 2. Đề tài trang trí

Trong số bia và văn bia thời Lê sơ, chúng tôi chọn ra những văn bản tiêu biểu, còn khá rõ ràng về hoa văn trang trí, cũng như văn khắc để khảo sát.

\* Viện Nghiên cứu Hán Nôm

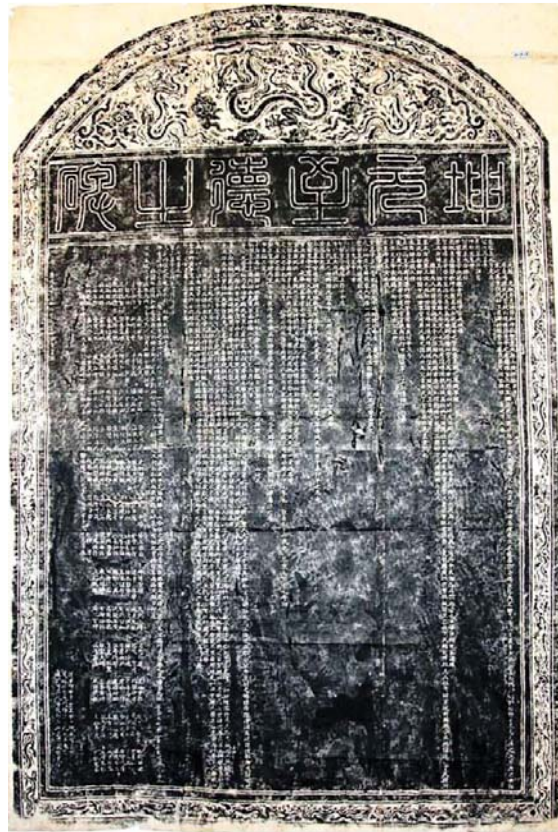
## Hoa văn trang trí trên bia thời Lê sơ

Stt	Tên bia	Niên đại	Trán bia	Diềm bên	Diềm chân bia
1	Vĩnh lăng	1433	Rồng + rồng	Rồng ổ	Sóng nước
2	Hựu lăng	1442	Rồng + rồng	Hoa dây	Sóng nước
4	Chiêu lăng	1498	Rồng + rồng	Rồng leo	Rồng leo
3	Dụ lăng	1504	Rồng + rồng	Rồng leo	Rồng leo
5	Kính lăng	1505	Rồng + rồng	Rồng leo	Rồng leo
6	Khôn nguyên chí đức	1498	Rồng + rồng	Rồng leo	Rồng leo
7	Đường vương thân đạo	1492	Phượng + mặt trời	Dây leo	Dây leo
8	Huy Gia Hoàng Thái hậu	1505	Rồng + rồng	Rồng leo	Rồng leo
9	Kính phi Nguyễn thị	1485	Phượng + mặt trời	Hoa dây	Hoa dây
10	Thọ An cung Kính phi	1485	Phượng + mặt trời	Hoa dây	Dây leo
11	Thụy Hoa công chúa	1494	Phượng + trời	Dây leo	Dây leo
12	Cầm Vinh Trưởng công chúa	1498	Phượng + trời	Dây leo	Dây leo
13	Thiều Dương công chúa	1498	Phượng + trời	Dây leo	Dây leo
14	Quốc triều tá mệnh công thần	1450	Rồng + tên bia	Hoa dây	Sóng nước
15	Khai quốc công thần	1462	Rồng + tên bia	Hoa dây	Sóng nước
16	Thái úy từ đường bi	1448	Hai bông hoa	Hoa dây	Sóng nước
17	Cung Vũ chi thạch	1465		Dây leo	Dây leo
18	Thư Quận công	1497	Hoa + hoa	Dây leo	Dây leo
19	Bản Khê hầu mộ	1511		Dây leo	Dây leo
20	Khánh Quận công		Phượng + trời	Dây leo	Dây leo
21	Cánh Thống đề thi	1489		Rồng leo	Rồng leo
22	Quang Thục Hoàng Thái hậu văn thi	1498	Rồng + rồng	Rồng leo	Sóng nước
23	Đề Long Quang động	1478		Dây leo	Dây leo
24	Long Quang động	1501		Dây leo	Dây leo
25	Kim Âu tự thi	1511		Rồng leo	Rồng leo
26	Nghĩa Quốc công	1511		Rồng leo	Rồng leo
27	Bạch Á thi	1467		Rồng leo	Rồng leo
28	Bạch Á động nhị thủ	1501		Dây leo	Dây leo
29	Bạch Á động tịnh dẫn	1511		Rồng leo	Rồng leo
30	Hồ Công động	1478		Dây leo	Dây leo
31	Hồ Công động	1501	Mặt trời	Dây leo	Dây leo
32	Thần phù	1501		Dây leo	Dây leo
33	Lục Vân động	1494		Rồng leo	Rồng leo
34	Lục Vân động 2 bài	1501		Dây leo	Dây leo
35	Lục Vân động thi	1514		Rồng leo	Rồng leo
36	Chiếu Bạch sơn	1501		Dây leo	Dây leo
37	Chiếu Bạch sơn thi	1514		Rồng leo	Rồng leo
38	Bảo Lai bệ	1433		Rồng	Cánh sen
39	Tổng đốc đại vương	1473	Mặt trời + hoa mây	Dây leo	
40	Phật	1445	Chữ Phật + rồng	Hoa cúc dây	Cánh sen
41	Phật	1487	Chữ Phật + tua mây	Dây leo	Dây leo
42	Trần Tân từ lệ bi	1487	Mặt trời + tua mây	Hoa dây	Cánh sen
43	Chuyết Sơn tự bi	1491	Tên bia	Dây leo	Dây leo
44	Nga Mi tự bi	1497	Tên bia	Dây leo	Dây leo
45	Hiển Thụy am bi	1500	Tên bia	Dây leo	Cánh sen
46	Miếu thần	1507	Vàng nguyệt	Dây leo	
47	Minh Khánh tự bi	1511	Mặt trời + tua mây	Dây leo	
48	Vô Vi tự bi	1515	Tên bia	Dây leo	Dây leo
49	Vạn Thọ	1522	Tên bia	Dây leo	Sóng nước
50	Cù Sơn tự bi	1525	Mặt trời + tua mây	Dây leo	Dây leo
51	Nhâm Tuất khoa tiến sĩ	1484	Mặt trời + hoa mây	Hoa dây	Hoa dây <sup>1</sup>
52	Cánh Thống tiến sĩ	1502	Mặt trời + hoa mây	Hoa dây	Hoa dây

Trong bảng trên, chúng ta thấy, loại bia dẹt, với trán bia hình bán nguyệt (như thường gặp) có 36 bia, trong đó, 8 bia được trang trí để tạc hai rồng hai bên chầu vào một hình rồng cuộn ở giữa, đồ án hai chim phượng chầu mặt trời ở giữa có 7 bia, mặt trời hoa dây có 9 bia, tên bia có 5 bia, còn lại là các đồ án trang trí khác, như bông hoa (2 bia), vàng nguyệt (2 bia), hoa (2 bia), chữ Phật rồng và chữ Phật tua mây,...

Về đồ án trang trí trên diềm bên bia, có cả thấy 52 bia có hoa văn trang trí, trong đó 1 đồ án trang trí rồng ổ, 15 bia trang trí rồng leo, còn lại là trang trí hoa văn dây leo và hoa dây. Trong 49 bia được trang trí dưới chân bia thì đồ án hoa văn sóng nước có 7 bia, hoa văn rồng leo và hoa văn dây leo có 37 bia, hoa văn hoa dây có 1 bia và hoa văn cánh sen có 3 bia.

Như vậy, đề tài rồng chầu mặt nguyệt thường gặp phổ biến trên bia thời Mạc từ thế kỷ XVI trở đi thì lại rất hiếm thấy trên bia thời Lê sơ. Thay vào đó là rồng chầu vào ô giữa có hình rồng, hoặc chữ. Ngược lại, đề tài phượng triều dương thì lại xuất hiện phổ biến trên bia thời Lê sơ, nhưng chỉ dùng trong trường hợp chủ nhân bia đó là nữ giới trong hoàng tộc, trừ trường hợp bia của hai bà Hoàng thái hậu họ Ngô và Hoàng thái hậu họ Nguyễn. Trên các bia của quan lại và bình dân thì



Thác bản mặt trước bia lăng Hoàng Thái hậu Ngô Thị Ngọc Dao (1498) - Lam Kinh - Thanh Hóa - Ảnh: Tác giả



Hình tượng rồng trên bia Vinh Lăng (1433) - Lam Kinh - Thanh Hóa - Ảnh: Tác giả

hầu như không có hình trang trí rỗng, mà chủ yếu là mặt trời hoa mây.

Ở giữa trên bia thời Lý và Trần thì chủ yếu là tên bia, được viết theo lối chữ Triện, còn trên bia từ thế kỷ XVI trở đi thì chủ yếu là hình mặt nguyệt (mặt trăng) hay mặt dương (mặt trời), thường đi với đồ án "Lưỡng long triều nguyệt" và "Lưỡng phụng triều dương". Ngược lại, ở giữa trên trán bia thời Lê sơ thì được trang trí hình rỗng, đối với bia về hoàng đế (6 bia lăng mộ vua Lê) đều có đồ án trang trí này.

Đối với các công thần, thì ở giữa hoặc tên bia viết theo lối chữ Triện (cách viết này thường gặp trên trán bia thời Lý, Trần) hoặc để trơn. Trường hợp hai bia của hai vị công thần khác thì lại trang trí hình bông hoa ở giữa (trung tâm), hai bên cũng là hai bông hoa đối xứng, một bia khác thì chỉ có hai bông hoa trên trán bia, đó là bia Thái úy từ đường bi ký. Tất cả 5 bia tiến sĩ để danh dựng ở Văn miếu vào năm Hồng Đức thứ 15 (1484) và năm Cảnh Thống thứ 5 (1502) đều không được trang trí hình rỗng mà chỉ có hình mặt trời ở giữa trán bia và hai bên là hai hình hoa mây.

Rõ ràng, rỗng là vật thiêng được sử dụng trước hết cho vua. Tuy nhiên, trên trán bia Hoàng Thái hậu Ngô Thị Ngọc Dao và bia Hoàng Thái hậu Nguyễn Thị Ngọc Huyền thì cũng sử dụng mô típ hình rỗng ở giữa trung tâm và hai bên là hai rồng châu. Có lẽ hai vị Hoàng Thái hậu này cũng được tôn kính như vua, nên được trang trí theo đồ án đó.

Trái lại, bia của những công chúa của hoàng tộc thì hoàn toàn được trang trí đồ án hai chim phượng châu mặt trời ở giữa trung tâm trán bia. Hình phượng to, giang rộng cánh, choán hết trán bia, còn mặt trời thì nhỏ bé và lơ lửng phía trên.

Đề tài trang trí trên diềm bia phía trên và hai bên thân bia chủ yếu là hình rồng leo, dây leo, hoa dây và rồng ổ.

Đề tài trang trí trên diềm dưới chân bia chủ yếu là hình rồng leo, dây leo và sóng nước.

Cũng là đồ án trang trí như vậy, ở mỗi loại bia, cách thức thể hiện hoàn toàn khác nhau. Trong đó, trang trí trên bia Vĩnh lăng được xem như sự độc tôn- Bia tuy thời Lê sơ nhưng vẫn được làm theo truyền thống, diềm bia được trang trí bằng hình tượng rồng bố cục trong nửa lá để nối tiếp nhau giống như thời Lý.

Về cơ bản, hình tượng rồng trên bia Vĩnh lăng có nhiều đặc điểm giống rồng thời Lý, Trần, như những khúc uốn thoăn thoắt, nhịp nhàng, những

hình lá thiêng bốc lên như ngọn lửa. Nhưng nếu đi vào chi tiết thật kĩ lưỡng thì nhận thấy nhiều sự thay đổi. Ở đây không thấy cái đẹp về tỉ lệ như rồng Lý, các nét uốn cũng không tinh xảo, điều luyện và thiếu sự đều đặn, uyển chuyển, nhưng rồng vẫn được thể hiện là một mô típ, một hoa văn trang trí được tạo bởi trí tưởng tượng phong phú và đậm chất triết lý. Đặc biệt, đồ án rồng trên trán bia, được trang trí ở giữa trán bia là một hình vuông, trong là hình tròn và trung tâm là hình rỗng được sắp xếp bố cục cân đối, chặt chẽ.

Ở đây, ta bắt gặp một sự kết hợp giữa ba đồ án: vuông, tròn và hình rỗng. Trường hợp này như chỉ gặp duy nhất trên bia Vĩnh lăng, bởi trên các bia khác tuy ở giữa là hình rỗng, nhưng không có ô vuông đóng khung lại. Không thể gọi là tùy hứng, hay ngẫu nhiên mà làm ra đồ án mang nhiều ý nghĩa như vậy. Vuông, tròn ở đây có thể theo quan niệm về trời đất, vũ trụ - "trời tròn, đất vuông", mà vua là con trời - "thiên tử". Ở trung tâm của trời - đất, vũ trụ ấy chính là ông vua, được biểu hiện qua hình tượng rỗng. Hình tượng rỗng ở đây đã có cách tạo hình khác với thời Lý, Trần: từ khúc uốn vặn vẹo, đến các chi tiết như sừng, chân, móng, tất cả tạo nên sự uy nghiêm, bề thế cho hình tượng rỗng. Hình vuông, hình tròn và hình rỗng được "đặt" trên nền của hoa văn tua mây, sắp xếp cân đối và thoáng đạt.

Từ thời Lê Thánh Tông, hình rỗng có đặc điểm riêng, có vẻ sống động, tự nhiên, hiện thực, khỏe mạnh và dữ tợn hơn. Và, thực tế, rỗng đã trở thành một biểu tượng văn hoá, tượng trưng cho sức mạnh, uy quyền của vua. Điều đó phần nào do ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo mà có. Những đường nét mềm mại, cân đối được thay bằng những đường nét sắc, nhọn, mạnh mẽ.

Ngoài mô típ rỗng châu rồng, ta còn gặp nhiều mô típ rỗng châu khác, như hoa mây hoặc mặt trời tua mây,... Tuy vậy, những mô típ trang trí kể trên không có trên trang trí bia ở lăng mộ ở Lam Kinh, mà chủ yếu là trên bia thuộc di tích ở các địa phương khác và thậm chí cả trên bia tiến sĩ để danh ở Văn miếu. Tất cả 12 bia tiến sĩ ở Văn miếu được dựng ở thời Lê sơ hoàn toàn không có hình rỗng trang trí mà chỉ có hình mặt trời, hoa mây.

Đối với bia bình dân, thường là bia ở làng xã, cũng không có hình rỗng trang trí mà chủ yếu là hoa mây, thậm chí trên trán bia miếu Thanh Lục (Hải Dương) chỉ là một vầng hào quang.

Ngay cả kích thước các bia ở Văn miếu và bia bình dân cũng nhỏ hơn bia lăng mộ các vua và hoàng hậu ở Lam Kinh. Như vậy, đã có một quy định rõ ràng của hình tượng rồng trong thời Lê sơ. Từ sự quy định này cho thấy, sự phân chia đẳng cấp theo tinh thần Nho giáo được thể hiện khá rõ ràng trong nghệ thuật. Rồng không chỉ là một hình tượng được tạo ra do trí tưởng tượng về một con vật thiêng nữa, mà đã thực sự tượng trưng cho vương quyền. Cùng với rồng là phượng, cũng hoàn toàn chỉ gặp trên trang trí bia của Hoàng thái hậu, Hoàng hậu, công chúa nhà Lê sơ, mà không hề thấy trên các trang trí bia dân gian khác. Phượng vì thế cũng là sự tượng trưng cho quyền quý. Nếu rồng là biểu trưng cho nguyên lý dương: mặt trời, vua cha, phía trước; thì phượng biểu trưng cho nguyên lý âm: mặt trăng, hoàng hậu, mẹ, phía sau. Khi rồng phượng kết hợp thì biểu thị âm dương hài hòa, nhờ đó mà mưa thuận gió hòa, quốc thái dân an, thái bình thịnh trị.

Hoa văn trang trí trên diềm bia, chủ đạo cũng vẫn là hoa văn hình rồng đối với bia cung đình - bia của lăng mộ hoàng tộc nhà Lê. Ngoài ra, còn có một số đề tài khác như: hoa dây, dây leo, sóng nước,..., tất cả đều được thể hiện tiếp nối truyền thống hoa văn cùng loại của thời Lý, Trần, nhưng có những đặc trưng riêng.

Hoa văn rồng được trải dài trên diềm bên và chân bia, gồm nhiều rồng uốn lượn nối nhau như đang leo lên phía trên. Trường hợp hình rồng trên diềm bia lăng vua Lê Thái Tổ lại là rồng ổ, bao gồm nhiều rồng nhỏ cuộn tròn như những ổ rồng. Hoa văn này là sự tiếp nối từ hoa văn rồng ổ thường gặp trên bia thời Lý, nhưng thân rồng mập hơn và trải dài hơn.

Hoa văn sóng nước thường được chạm ở diềm phía chân bia. Trên diềm chân bia Vĩnh lăng, hoa văn sóng nước có hình như hình núi, nhưng cao hơn và nhiều đường sóng cong hơn. Hình sóng nước trên bia lăng bà hoàng Ngô Thị Ngọc Dao lại là sóng nước trường và sóng bạc đầu. Phía sau lại trôi cao như ba ngọn núi, phía trên là hoa văn mây bay thành dải. Đây là hình thức sóng nước đặc biệt của thời Lê sơ, thường được gọi là "sóng lừng".

Hoa văn dây leo được khắc chìm, thường chỉ là một hình dây uốn lượn dạng hình sin, rồi trở ra hai bên dây leo đối xứng, mềm mại. Phong cách này được duy trì và trở nên phổ biến trong đồ án trang trí bia thời Mạc thế kỷ XVI sau đó, được bắt nguồn từ trang trí bia ở Lam Kinh từ đời vua Lê Hiến Tông.

Còn hoa văn hoa dây thì cũng tương tự hoa văn dây leo, với một hình dây uốn lượn, nhưng hai bên diềm thêm hoa lá. Đồ án trang trí này trở lên phổ biến trên diềm bia thời Lê trung hưng (thế kỷ XVII - XVIII), nhưng thân dây thường mập hơn và có nhiều bông hoa mãn khai, diềm thêm hình chim thú sinh động.

Hoa văn dây leo hay hoa dây đều có dải dây uốn lượn làm chủ đạo. Dải dây uốn lượn này chính là biểu trưng cho sự trường tồn và phát triển liên tục, dài lâu. Đồ án này thường có cuống dài, biểu thị số nhiều (đại, cũng là triều đại), chỉ vạn đại. Còn thân dây thì đan bện vào nhau biểu thị sự trường tồn.

Điều đó cũng tạo nên phong cách bia thời Lê sơ mà không thể lặp lại ở đời sau. Cùng với những đặc trưng về hoa văn trang trí, tên bia và bố cục văn bản nêu trên, đã góp phần xác định phong cách đặc trưng văn bản văn bia thời Lê sơ.

Tóm lại, hoa văn trang trí trên bia thời Lê sơ phản ánh tư tưởng chính thống - sùng Nho ức Phật của triều đình. Cùng với điêu khắc, kiến trúc, hoa văn trang trí trên bia nổi bật với hình tượng rồng, phượng và các mô típ trang trí mây đao lửa, hoa văn hoa dây cách điệu... là tiêu biểu của nghệ thuật điêu khắc rưng rục hào khí thời Lê sơ. Tinh thần đó được các triều đại tiếp sau phát huy, phát triển, làm nên giá trị nghệ thuật, mang tính nhất quán phong cách mỹ thuật thời hậu Lê<sup>2</sup>. /.

Đ.K.T

**Chú thích:**

1- Có 7 bia tiến sĩ đề danh được dựng vào năm 1484, có cùng đặc điểm trang trí, nên chỉ nêu 1 trường hợp.

2- Bài viết là một phần kết quả nghiên cứu của đề tài mang mã số VII 1.4-2013, do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) tài trợ.

**Tài liệu tham khảo:**

1- Lê Quý Đôn, *Kiến văn tiểu lục* - Thiên chương (bản dịch), Nxb. Sử học, H, 1963.

2- Đinh Khắc Thuân (2013), "Văn bia Thanh Hóa thời Lê sơ", trong *Văn bia thời Lê sơ ở Thanh Hóa*, Nxb. Thanh Hóa.

3- Phạm Thùy Vinh, "Một số đặc điểm về nội dung và hình thức của văn bia Lê sơ", *Tạp chí Hán Nôm*, số 3 (89)-2008, tr. 38 - 48).

4- *Tuyển tập văn bia Thanh Hóa*, Tập Một: Văn bia thời Lý - Trần, Nxb. Thanh Hóa, 2012.

5- *Tuyển tập văn bia Thanh Hóa*, Tập Hai: Văn bia thời Lê sơ, Nxb. Thanh Hóa, 2013.

6- Phạm Thùy Vinh (chủ biên) (2014), *Văn bia thời Lê sơ*, Nxb. Khoa học xã hội, H.

7- Nguyễn Văn Chiến, "Mỹ thuật Đông Kinh - Lam Kinh: rưng rục rồng - mây đao lửa - hào khí thời Lê sơ", trong *Văn bia thời Lê sơ ở Thanh Hóa*, Nxb. Thanh Hóa, 2013.

(Ngày nhận bài: 12/7/2016; ngày phản biện đánh giá: 27/7/2016; ngày duyệt đăng bài: 14/08/2016).